STRESS HỌC TẬP VÀ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG HỌC THUẬT CỦA SINH VIÊN TRONG HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VÀ CHI PHÍ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Hoàng Thị Trà Hương
Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Điện lực
Email: huonghtt@epu.edu.vn

***Tóm tắt**: Nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa stress học tập và khả năng thích ứng học thuật của sinh viên ngành Năng lượng trong quá trình học học phần Kế toán quản trị và chi phí tại Trường Đại học Điện lực. Khảo sát được thực hiện với 120 sinh viên bằng bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức. Dữ liệu được xử lý thông qua kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính. Kết quả cho thấy stress học tập có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thích ứng học thuật, trong khi sự hỗ trợ của giảng viên góp phần giảm tác động của stress và nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên. Nghiên cứu đề xuất một số hàm ý nhằm xây dựng môi trường học tập tích cực, tăng cường hỗ trợ tâm lý học đường và đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm giảm áp lực học tập, nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học.*

***Từ khóa:** stress học tập; thích ứng học thuật; sinh viên; kế toán quản trị; tâm lý học giáo dục.*

ACADEMIC STRESS AND ACADEMIC ADAPTATION AMONG STUDENTS IN THE MANAGEMENT ACCOUNTING AND COSTS COURSE FROM ELECTRIC POWER UNIVERSITY

***Abstract:** This study analyzes the relationship between academic stress and the academic adaptability of Energy students during their Management Accounting and costs course at the University of Electrical Engineering. A survey was conducted with 120 students using a questionnaire with a 5-point Likert scale. Data was processed through Cronbach's Alpha reliability test, Pearson correlation analysis, and linear regression. The results show that academic stress negatively impacts academic adaptability, while faculty support contributes to reducing the impact of stress and enhancing students' adaptability. The study proposes several implications for building a positive learning environment, strengthening psychological support in schools, and innovating teaching methods to reduce academic pressure and improve the quality of university education.*

***Keywords**: academic stress; academic adaptability; students; management accounting; educational psychology.*

Nhận bài: 07/06/2026 Phản biện: 07/07/2026 Duyệt đăng: 10/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển mạnh theo định hướng phát triển năng lực, sinh viên không chỉ đối mặt với yêu cầu tiếp thu khối lượng kiến thức ngày càng lớn mà còn phải thích ứng với các phương pháp học tập tích cực, đánh giá liên tục và yêu cầu tự học ngày càng cao. Những thay đổi này mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng làm gia tăng áp lực học tập đối với người học. Nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục cho thấy stress học tập đang trở thành một trong những vấn đề phổ biến ở sinh viên đại học, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe tâm thần, động cơ học tập và kết quả học tập.

Đối với sinh viên ngành Năng lượng, học phần kế toán quản trị và chi phí được đánh giá là một trong những học phần có tính chuyên môn cao, đòi hỏi người học phải kết hợp kiến thức kế toán, tư duy phân tích và khả năng vận dụng vào các tình huống quản trị doanh nghiệp. Khối lượng bài tập lớn, yêu cầu xử lý số liệu chính xác và khả năng ra quyết định trong các tình huống mô phỏng khiến nhiều sinh viên cảm thấy áp lực trong quá trình học tập. Nếu không có khả năng thích ứng phù hợp, stress học tập có thể làm giảm hứng thú học tập, hạn chế sự tham gia vào các hoạt động trên lớp và ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Khả năng thích ứng học thuật được hiểu là khả năng điều chỉnh nhận thức, cảm xúc và hành vi để đáp ứng các yêu cầu của môi trường học tập. Sinh viên có khả năng thích ứng tốt thường chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết và duy trì thái độ tích cực trước những khó khăn phát sinh. Ngược lại, khả năng thích ứng thấp có thể khiến sinh viên rơi vào trạng thái lo âu, né tránh nhiệm vụ học tập và giảm hiệu quả học tập.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về stress học tập ở sinh viên, nhưng các nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa stress học tập và khả năng thích ứng học thuật trong bối cảnh học phần kế toán quản trị và chi phí tại Việt Nam còn khá hạn chế. Việc làm rõ mối quan hệ này sẽ góp phần bổ sung

cơ sở khoa học cho việc xây dựng các giải pháp hỗ trợ tâm lý và nâng cao chất lượng dạy học ở bậc đại học.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của stress học tập đến khả năng thích ứng học thuật của sinh viên ngành Năng lượng trong học phần kế toán quản trị và chi phí tại Trường Đại học Điện lực, đồng thời đề xuất một số hàm ý nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Stress học tập

Stress học tập là một trong những chủ đề được quan tâm rộng rãi trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục bởi đây là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe tinh thần, động cơ học tập và kết quả học tập của sinh viên. Theo Lazarus và Folkman (1984), stress là trạng thái tâm lý xuất hiện khi cá nhân đánh giá rằng những yêu cầu từ môi trường vượt quá nguồn lực mà bản thân có thể huy động để ứng phó. Dưới góc độ giáo dục, stress học tập được hiểu là phản ứng về nhận thức, cảm xúc và hành vi của người học trước các áp lực phát sinh trong quá trình học tập như khối lượng kiến thức lớn, yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ, áp lực kiểm tra – đánh giá hoặc kỳ vọng về kết quả học tập.

Stress học tập không phải lúc nào cũng mang ý nghĩa tiêu cực. Ở mức độ phù hợp, stress có thể tạo động lực giúp sinh viên tập trung hơn vào nhiệm vụ, chủ động tìm kiếm giải pháp và nâng cao hiệu quả học tập. Tuy nhiên, khi cường độ stress kéo dài hoặc vượt quá khả năng kiểm soát, người học dễ xuất hiện các biểu hiện như lo âu, giảm khả năng tập trung, suy giảm trí nhớ, mất hứng thú học tập, né tránh nhiệm vụ hoặc giảm hiệu quả tiếp thu kiến thức. Những biểu hiện này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập trước mắt mà còn tác động tiêu cực đến sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên trong tương lai.

Đối với sinh viên ngành Năng lượng, stress học tập có những đặc điểm riêng do tính chất của các học phần chuyên ngành. Theo đề cương học phần kế toán quản trị và chi phí, sinh viên không chỉ cần nắm được hệ thống kiến thức về phân loại chi phí, xác định giá thành, lập dự toán ngân sách hay phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận mà còn phải vận dụng các kiến thức này để phân tích thông tin và hỗ trợ ra quyết định quản trị trong doanh nghiệp. Điều đó đồng nghĩa với việc người học phải huy động đồng thời kiến thức chuyên môn, tư duy logic, kỹ năng phân tích số liệu và khả năng giải quyết tình huống thực tiễn.

Qua thực tiễn giảng dạy, có thể nhận thấy stress của sinh viên trong học phần kế toán quản trị và chi phí thường xuất phát từ ba nhóm nguyên nhân chủ yếu. Thứ nhất là áp lực về nhận thức do khối lượng kiến thức tương đối lớn, nhiều khái niệm có mối liên hệ chặt chẽ và yêu cầu vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh quản trị. Thứ hai là áp lực về kỹ năng khi sinh viên phải xử lý các bài tập tính toán, phân tích số liệu, lập dự toán và lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu. Thứ ba là áp lực từ hoạt động đánh giá học phần thông qua các bài tập nhóm, bài tập tình huống, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Những áp lực này nếu không được kiểm soát sẽ làm giảm sự tự tin, hạn chế khả năng tham gia các hoạt động học tập và ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của sinh viên.

2.2. Khả năng thích ứng học thuật

Khả năng thích ứng học thuật được hiểu là năng lực của sinh viên trong việc điều chỉnh nhận thức, cảm xúc và hành vi để đáp ứng các yêu cầu của môi trường học tập. Đây là quá trình người học chủ động thích nghi với những thay đổi về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá và yêu cầu của từng học phần nhằm đạt được mục tiêu học tập.

Theo Credé và Niehorster (2012), khả năng thích ứng học thuật được thể hiện thông qua nhiều khía cạnh như khả năng quản lý thời gian, lập kế hoạch học tập, tự điều chỉnh quá trình học, tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết và duy trì thái độ tích cực trước những khó khăn. Sinh viên có khả năng thích ứng tốt thường biết xác định mục tiêu học tập rõ ràng, chủ động khai thác tài liệu, tích cực trao đổi với giảng viên và bạn học, đồng thời biết điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể.

Trong học phần kế toán quản trị và chi phí, khả năng thích ứng học thuật không chỉ được thể hiện ở việc tiếp thu kiến thức mà còn phản ánh năng lực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống quản trị doanh nghiệp. Chẳng hạn, khi thực hiện các bài tập về phân tích chi phí, lập dự toán hay đánh giá phương án kinh doanh, sinh viên phải biết lựa chọn thông tin cần thiết, kết hợp các kiến thức đã học và đưa ra quyết định trên cơ sở lập luận khoa học. Những yêu cầu này đòi hỏi người học phải có khả năng thích ứng với phương pháp học tập mang tính phân tích, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề thay vì chỉ ghi nhớ kiến thức như ở các học phần lý thuyết.

Kết quả của nhiều nghiên cứu cho thấy khả năng thích ứng học thuật có mối quan hệ chặt chẽ với kết quả học tập, mức độ gắn kết học tập và sự phát triển năng lực nghề nghiệp. Sinh viên có khả năng thích ứng tốt thường ít chịu ảnh hưởng tiêu cực của stress, có khả năng duy trì động cơ học tập và đạt kết quả học tập cao hơn. Vì vậy, phát triển khả năng thích ứng học thuật được xem là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục đại học trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

2.3. Sự hỗ trợ của giảng viên

Trong môi trường giáo dục đại học, giảng viên không chỉ giữ vai trò truyền đạt tri thức mà còn là người định hướng, hỗ trợ và tạo động lực học tập cho sinh viên. Dưới góc độ tâm lý học giáo dục, sự hỗ trợ của giảng viên được hiểu là toàn bộ những tác động về chuyên môn, tâm lý và sư phạm giúp sinh viên vượt qua khó khăn trong học tập, phát triển năng lực học tập và thích ứng với môi trường đào tạo.

Trong nghiên cứu này, sự hỗ trợ của giảng viên được xem là yếu tố góp phần làm giảm tác động tiêu cực của stress học tập và nâng cao khả năng thích ứng học thuật của sinh viên. Sự hỗ trợ được thể hiện thông qua nhiều khía cạnh như hướng dẫn chuyên môn rõ ràng, phản hồi kịp thời đối với bài tập, giải đáp những khó khăn trong quá trình học, tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi và tôn trọng các ý kiến khác nhau trong quá trình thảo luận.

Đối với học phần kế toán quản trị và chi phí, vai trò của giảng viên càng trở nên quan trọng do nhiều nội dung học tập có tính ứng dụng cao và gắn với các tình huống quản trị thực tế. Khi giảng viên sử dụng các ví dụ từ doanh nghiệp, hướng dẫn từng bước cách phân tích thông tin, tổ chức học tập theo nhóm, thảo luận tình huống và khuyến khích sinh viên trình bày nhiều phương án giải quyết khác nhau, người học sẽ giảm bớt tâm lý e ngại trước những bài toán quản trị phức tạp. Đồng thời, việc phản hồi mang tính xây dựng sau mỗi hoạt động học tập giúp sinh viên nhận ra điểm mạnh, điểm cần cải thiện và từng bước củng cố niềm tin vào khả năng của bản thân.

Bên cạnh hỗ trợ về chuyên môn, sự quan tâm của giảng viên đối với đời sống tâm lý của sinh viên cũng có ý nghĩa quan trọng. Việc lắng nghe những khó khăn trong học tập, động viên kịp thời và tạo bầu không khí lớp học cởi mở giúp sinh viên giảm cảm giác căng thẳng, tăng mức độ gắn kết với học phần và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập. Vì vậy, trong bối cảnh đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, sự hỗ trợ của giảng viên được xem là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao khả năng thích ứng học thuật và chất lượng học tập của sinh viên.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành đối với 120 sinh viên ngành Năng lượng, Trường Đại học Điện lực đã hoàn thành hoặc đang học học phần kế toán quản trị và chi phí. Việc lựa chọn khách thể được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Các sinh viên tham gia khảo sát trên tinh thần tự nguyện và được bảo đảm tính bảo mật của thông tin nghiên cứu.

2.4.2. Công cụ nghiên cứu

Bảng hỏi được thiết kế trên cơ sở kế thừa các thang đo về stress học tập, khả năng thích ứng học thuật và sự hỗ trợ của giảng viên đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước, đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh học phần kế toán quản trị và chi phí. Thang đo sử dụng 16 biến quan sát, chia thành ba nhóm: Stress học tập (6 biến quan sát). Khả năng thích ứng học thuật (5 biến quan sát). Sự hỗ trợ của giảng viên (5 biến quan sát). Các biến được đánh giá theo thang Likert 5 mức, từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Kết quả phân tích cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Thang đo	Cronbach's Alpha
Stress học tập	0,891
Khả năng thích ứng học thuật	0,874
Sự hỗ trợ của giảng viên	0,916

Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,30, không có biến nào bị loại khỏi mô hình. Điều này chứng tỏ các thang đo có tính nhất quán nội tại tốt và đủ điều kiện thực hiện các phân tích tiếp theo. Kết quả phân tích Pearson cho thấy stress học tập có mối tương quan nghịch với khả năng thích ứng học thuật ($r = -0,61$; Sig. $< 0,001$). Điều này phản ánh khi mức độ căng thẳng trong học tập tăng lên thì khả năng thích ứng của sinh viên có xu hướng giảm. Ngược lại, sự hỗ trợ của giảng viên có tương quan thuận với khả năng thích ứng học thuật ($r = 0,58$; Sig. $< 0,001$). Kết quả này cho thấy những sinh viên thường xuyên nhận được sự hướng dẫn, phản hồi và động viên từ giảng viên có xu hướng thích ứng tốt hơn với

các yêu cầu của học phần. Bên cạnh đó, stress học tập có mối tương quan nghịch với sự hỗ trợ của giảng viên ($r = -0,39$; Sig. $< 0,01$), cho thấy khi sinh viên cảm nhận được sự hỗ trợ tích cực từ giảng viên thì mức độ căng thẳng trong học tập cũng giảm đáng kể.

Kết quả hồi quy cho thấy mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê ($F = 46,37$; Sig. $< 0,001$), với hệ số xác định điều chỉnh $R^2 = 0,57$. Điều này cho thấy hai biến độc lập giải thích được khoảng 57% sự biến thiên của khả năng thích ứng học thuật. Stress học tập có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thích ứng học thuật ($\beta = -0,48$; Sig. $<$ 0,001). Trong khi đó, sự hỗ trợ của giảng viên có ảnh hưởng tích cực ($\beta = 0,41$; Sig. $< 0,001$). Kết quả cũng cho thấy khi đưa biến "sự hỗ trợ của giảng viên" vào mô hình, mức độ ảnh hưởng tiêu cực của stress học tập giảm xuống, chứng tỏ sự hỗ trợ của giảng viên có vai trò làm giảm tác động bất lợi của stress đối với khả năng thích ứng học thuật của sinh viên.

2.5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy stress học tập có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thích ứng học thuật của sinh viên khi học học phần kế toán quản trị và chi phí. Tuy nhiên, nếu xem xét dưới góc độ đặc trưng của học phần, có thể thấy stress của sinh viên không đơn thuần xuất phát từ khối lượng kiến thức mà chủ yếu đến từ yêu cầu vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề quản trị trong bối cảnh doanh nghiệp. Theo đề cương học phần, chuẩn đầu ra hướng tới việc hình thành năng lực phân tích, lập kế hoạch, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định quản trị, vì vậy người học phải huy động đồng thời kiến thức chuyên môn, tư duy logic và kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn. Đây chính là nguyên nhân làm gia tăng áp lực học tập đối với nhiều sinh viên.

Qua trao đổi với sinh viên trong quá trình khảo sát, nhiều ý kiến cho rằng các nội dung như phân loại chi phí, ứng xử của chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (CVP) và lập dự toán ngân sách là những nội dung tạo ra nhiều áp lực nhất. Nguyên nhân không nằm ở việc ghi nhớ khái niệm mà ở yêu cầu lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp trong từng tình huống quản trị. Khi phải xác định điểm hòa vốn, phân tích phương án kinh doanh hoặc lựa chọn phương án tối ưu cho doanh nghiệp, sinh viên thường lúng túng trong việc kết nối các kiến thức đã học để đưa ra quyết định. Sự thiếu tự tin này dễ dẫn đến tâm lý lo lắng, ngại phát biểu ý kiến và hạn chế tham gia các hoạt động thảo luận trên lớp.

Một đặc điểm khác của học phần là nhiều nội dung được tổ chức theo hướng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề. So với các học phần kế toán tài chính, nơi câu trả lời thường dựa trên các quy định và nguyên tắc đã xác định, Kế toán quản trị cho phép tồn tại nhiều phương án giải quyết khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu quản trị của doanh nghiệp. Chính tính mở của các bài tập tình huống khiến nhiều sinh viên có tâm lý e ngại vì sợ đưa ra phương án chưa phù hợp. Điều này giải thích vì sao những sinh viên có mức độ stress cao thường ít chủ động trao đổi với giảng viên, ngại bảo vệ quan điểm và có xu hướng chờ đợi lời giải mẫu thay vì tự tìm kiếm phương án giải quyết.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự hỗ trợ của giảng viên có vai trò quan trọng trong việc giảm tác động tiêu cực của stress học tập. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các nội dung mang tính phân tích và ra quyết định. Khi giảng viên hướng dẫn sinh viên tiếp cận từng bước đối với các bài toán quản trị, sử dụng ví dụ thực tiễn từ doanh nghiệp, tổ chức thảo luận nhóm và phản hồi kịp thời về các phương án giải quyết, sinh viên có xu hướng tự tin hơn trong quá trình học tập. Việc được phép trình bày nhiều cách tiếp cận khác nhau thay vì chỉ có một đáp án duy nhất giúp người học giảm áp lực tâm lý, đồng thời hình thành tư duy phản biện và khả năng ra quyết định – những năng lực cốt lõi mà học phần hướng tới.

Một phát hiện đáng chú ý là mức độ thích ứng học thuật của sinh viên được cải thiện rõ rệt khi các hoạt động học tập gắn với bối cảnh nghề nghiệp. Những bài tập mô phỏng quá trình lập dự toán, phân tích chi phí sản xuất, lựa chọn phương án kinh doanh hoặc đánh giá hiệu quả của trung tâm trách nhiệm tạo cơ hội để sinh viên nhận thấy ý nghĩa thực tiễn của kiến thức. Khi hiểu rõ mối liên hệ giữa nội dung học tập và công việc kế toán quản trị trong doanh nghiệp, sinh viên có xu hướng tích cực tìm kiếm thông tin, chủ động trao đổi và sẵn sàng thử nghiệm các phương án giải quyết mới. Điều này cho thấy động cơ học tập được hình thành từ nhận thức về giá trị nghề nghiệp có tác dụng giảm đáng kể cảm giác căng thẳng trong quá trình học tập.

Từ góc độ tâm lý học giáo dục, kết quả nghiên cứu cho thấy việc giảm stress học tập không thể chỉ dựa vào khả năng thích nghi của sinh viên mà cần bắt đầu từ việc thiết kế môi trường học tập.

Đối với học phần kế toán quản trị và chi phí, giảng viên nên tổ chức nội dung theo lộ trình từ những tình huống đơn giản đến các bài toán quản trị phức tạp; kết hợp giữa hướng dẫn lý thuyết với phân tích tình huống doanh nghiệp; tăng cường hoạt động học tập hợp tác để sinh viên có cơ hội chia sẻ cách tiếp cận và học hỏi lẫn nhau. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa hình thức đánh giá thông qua bài tập dự án, báo cáo nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống thay vì chỉ tập trung vào bài thi cuối kỳ. Cách tiếp cận này không chỉ giảm áp lực thi cử mà còn tạo điều kiện để sinh viên từng bước hình thành sự tự tin và khả năng thích ứng với các yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng việc phát triển năng lực nghề nghiệp trong học phần kế toán quản trị và chi phí cần được thực hiện đồng thời với việc quan tâm đến sức khỏe tâm lý của sinh viên. Khi người học được hỗ trợ về chuyên môn, được trải nghiệm thành công trong quá trình giải quyết các tình huống quản trị và được học tập trong môi trường tích cực, stress học tập sẽ giảm, trong khi khả năng thích ứng học thuật và mức độ sẵn sàng đối với nghề nghiệp tương lai sẽ được nâng cao. Đây cũng là cơ sở để các cơ sở đào tạo tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm và tăng cường gắn kết giữa đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khẳng định stress học tập là một trong những yếu tố cản trở khả năng thích ứng học thuật của sinh viên trong học phần kế toán quản trị và chi phí. Ngược lại, sự hỗ trợ của giảng viên có vai trò quan trọng trong việc giảm áp lực tâm lý và nâng cao khả năng thích ứng của người học. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục mà còn cung cấp cơ sở khoa học để các cơ sở đào tạo đổi mới hoạt động giảng dạy, tăng cường hỗ trợ tâm lý học đường và xây dựng môi trường học tập tích cực. Đây là những điều kiện cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực nghề nghiệp và chuẩn bị tốt hơn cho sinh viên trước yêu cầu của thị trường lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Hà Nội.

Phan Đức Dũng. (2022). Kế toán quản trị (Tái bản). Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ngọc Quang (2021), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

Đoàn Xuân Tiên (2015), Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB Tài chính.

Thomas, J. W. (2000). A Review of Research on Project-Based Learning. Autodesk Foundation.

Wurdinger, S., & Qureshi, M. (2015). Enhancing College Students' Life Skills through Project Based Learning. Innovative Higher Education, 40(3), 279–286.

Fredricks, J. A., Blumenfeld, P. C., & Paris, A. H. (2004). School engagement: Potential of the concept, state of the evidence. Review of Educational Research, 74(1), 59–109.

Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2019). Multivariate Data Analysis (8th ed.). Cengage Learning.

Lazarus, R. S., & Folkman, S. (1984). Stress, Appraisal, and Coping. Springer.